

Số: /BC-UBND

Tủa Chùa, ngày tháng 9 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện giải ngân các nguồn vốn đầu tư; các chương trình MTQG đến ngày 31 tháng 8 năm 2023 trên địa bàn huyện Tủa Chùa

Tổng các nguồn vốn đầu tư và vốn sự nghiệp được giao năm 2023 để thực hiện đầu tư xây dựng các công trình, dự án và các nội dung chính sách hỗ trợ của huyện: 444.197,349 triệu đồng (*trong đó dự toán chuyển nguồn năm trước sang: 28.180,879 triệu đồng*), giải ngân đến ngày 31/8/2023: 202.755,312 triệu đồng, đạt 45,65% kế hoạch vốn giao, cụ thể:

I. NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG

Tổng số kế hoạch vốn đầu tư công được giao trong năm 2023: 306.188,081 triệu đồng (vốn kéo dài sang năm 2023: 12.541,581 triệu đồng); thực hiện giải ngân đến ngày 31/8/2023: 167.617,710 triệu đồng, đạt 54,74% kế hoạch vốn giao; ước thực hiện cả năm 2023: 305.901,812 triệu đồng, đạt 99,91% kế hoạch vốn giao, chi tiết cụ thể như sau:

1. Vốn ngân sách địa phương

Tổng kế hoạch vốn giao năm 2023: 33.836,139 triệu đồng (*vốn kéo dài sang năm 2023: 3.333,139 triệu đồng*), giải ngân đến ngày 31/8/2023: 22.738,498 triệu đồng, đạt 67,20%; ước giải ngân đến ngày 31/12/2023: 33.828,870 triệu đồng, đạt 99,98% kế hoạch vốn giao.

1.1. Cấp tỉnh quản lý:

Kế hoạch vốn giao 13.000 triệu đồng, giải ngân đến 31/8/2023: 5.634,814 triệu đồng, đạt 43,34% kế hoạch vốn giao; ước giải ngân đến ngày 31/12/2023: 13.000 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao.

1.2. Cấp huyện quản lý:

Kế hoạch vốn giao 20.836,139 triệu đồng (*vốn kéo dài sang năm 2023: 3.333,139 triệu đồng*), giải ngân đến 31/8/2023: 17.103,684 triệu đồng, đạt 82,09% kế hoạch vốn giao; ước giải ngân đến ngày 31/12/2023: 20.828,870 triệu đồng, đạt 99,97% kế hoạch vốn giao.

2. Vốn ngân sách Trung ương

Tổng kế hoạch vốn giao năm 2023: 141.731 triệu đồng, giải ngân đến ngày 31/8/2023: 102.414,411 triệu đồng, đạt 72,26%; ước giải ngân đến ngày 31/12/2023: 141.731 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao.

2.1. Chương trình mục tiêu phát triển KT-XH các vùng

Kế hoạch vốn giao 70.000 triệu đồng, giải ngân đến 31/8/2023: 47.782,448 triệu đồng, đạt 68,26% kế hoạch vốn giao; ước giải ngân đến ngày 31/12/2023: 70.000 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao.

2.2. Ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La huyện Tủa Chùa

Kế hoạch vốn giao 71.531 triệu đồng, giải ngân đến 31/8/2023: 54.631,963 triệu đồng, đạt 76,38% kế hoạch vốn giao; ước giải ngân đến ngày 31/12/2023: 71.531 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao.

2.3. Dự án bảo vệ và phát triển rừng

Kế hoạch vốn giao 200 triệu đồng, hiện chưa giải ngân; ước giải ngân đến ngày 31/12/2023: 200 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao.

3. Vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia

Tổng kế hoạch vốn giao năm 2023: 130.621,442 triệu đồng (*vốn kéo dài sang năm 2023: 9.208,442 triệu đồng*), giải ngân đến ngày 31/8/2023: 42.464,801 triệu đồng, đạt 32,51%; ước giải ngân đến ngày 31/12/2023: 130.462,442 triệu đồng, đạt 99,88% kế hoạch vốn giao.

3.1. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

Kế hoạch vốn giao 62.328,442 triệu đồng (*vốn kéo dài sang năm 2023: 9.208,442 triệu đồng*), giải ngân đến 31/8/2023: 10.532,538 triệu đồng, đạt 16,90% kế hoạch vốn giao; ước giải ngân đến ngày 31/12/2023: 62.328,442 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao.

3.2. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Kế hoạch vốn giao 18.500 triệu đồng, giải ngân đến 31/8/2023: 16.187,909 triệu đồng, đạt 87,50% kế hoạch vốn giao; ước giải ngân đến ngày 31/12/2023: 18.341 triệu đồng, đạt 99,14% kế hoạch vốn giao.

3.3. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Kế hoạch vốn giao 49.793 triệu đồng, giải ngân đến 31/8/2023: 15.744,354 triệu đồng, đạt 31,62% kế hoạch vốn giao; ước giải ngân đến ngày 31/12/2023: 49.793 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao.

(chi tiết như biểu số 01, 02 kèm theo)

II. VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN VÀ CÁC NGUỒN VỐN KHÁC

- Kế hoạch vốn giao năm 2023: 35.173,970 triệu đồng, giải ngân đến ngày 31/8/2023: 23.341,802 triệu đồng, đạt 66,36% so với kế hoạch giao, chi tiết như sau:

1. Vốn cân đối ngân sách huyện: Kế hoạch vốn giao 18.743,798 triệu đồng, giải ngân đến ngày 31/8/2023: 14.413,113 triệu đồng, đạt 76,90% so với kế hoạch vốn giao.

2. Vốn sự nghiệp giáo dục: Kế hoạch vốn giao 9.583,470 triệu đồng, giải ngân đến ngày 31/8/2023: 5.807,483 triệu đồng, đạt 60,60% so với kế hoạch vốn giao.

3. Kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ: Kế hoạch vốn giao 235 triệu đồng, giải ngân đến ngày 31/8/2023: 235 triệu đồng, đạt 100% so với kế hoạch vốn giao.

4. Hoạt động phát triển kinh tế - xã hội: Kế hoạch vốn giao 4.491 triệu đồng, giải ngân đến ngày 31/8/2023: 2.750,243 triệu đồng, đạt 61,24% so với kế hoạch vốn giao.

5. Khắc phục hậu quả thiên tai: Kế hoạch vốn giao 2.120,702 triệu đồng, giải ngân đến ngày 31/8/2023: 135,963 triệu đồng, đạt 6,41% so với kế hoạch vốn giao.

(chi tiết như biểu số 03 kèm theo)

III. NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP CÓ TÍNH CHẤT ĐẦU TƯ VÀ VỐN SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG

- Tổng kế hoạch vốn giao năm 2023: 6.212 triệu đồng, giải ngân đến ngày 31/8/2023: 2.515,472 triệu đồng đạt 40,49% so với kế hoạch giao, chi tiết như sau:

1. Vốn hỗ trợ phát triển đất trồng lúa: Kế hoạch vốn giao 1.761 triệu đồng, giải ngân đến ngày 31/8/2023: 1.396,908 triệu đồng đạt 79,32% so với kế hoạch vốn giao.

2. Vốn miễn giảm thủy lợi phí: Kế hoạch vốn giao 1.841 triệu đồng, hiện chưa giải ngân.

3. Vốn sự nghiệp môi trường: Kế hoạch vốn giao 2.610 triệu đồng, giải ngân đến ngày 31/8/2023: 1.118,564 triệu đồng đạt 42,86% so với kế hoạch giao.

(chi tiết như biểu số 04 kèm theo)

IV. VỐN SỰ NGHIỆP CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

- Tổng kế hoạch vốn năm 2023: 96.623,298 triệu đồng (*trong đó dự toán chuyển nguồn năm trước sang: 15.639,298 triệu đồng*), giải ngân đến ngày 31/8/2023: 9.280,327 triệu đồng đạt 9,60% so với kế hoạch giao, chi tiết như sau:

1. Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Kế hoạch vốn giao 54.108,695 triệu đồng (*trong đó dự toán chuyển nguồn năm trước sang: 7.564,695 triệu đồng*), đã giải ngân đến ngày 31/8/2023: 7.252,315 triệu đồng, đạt 13,40% kế hoạch vốn giao;

2. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025: Kế hoạch vốn giao 39.371,605 triệu đồng (*trong đó dự toán chuyển nguồn năm trước sang: 7.057,605 triệu đồng*), đã giải ngân đến ngày 31/8/2023: 2.028,012 triệu đồng, đạt 5,15% kế hoạch vốn giao;

3. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: Kế hoạch vốn giao 3.142,997 triệu đồng (*trong đó dự toán chuyển nguồn năm trước sang: 1.016,997 triệu đồng*), hiện chưa giải ngân.

(chi tiết như biểu số 05 kèm theo)

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đạt được

- Công tác bố trí kế hoạch vốn năm 2023 cho các chương trình, dự án, đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chí theo hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, của HĐND, UBND tỉnh; phù hợp với dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm của huyện.

- Công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch đầu tư công của UBND huyện được triển khai đồng bộ, quyết liệt, cụ thể với các giải pháp linh hoạt, kịp thời.

- Các công trình dự án đầu tư trên địa bàn sau khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng đã góp phần phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, từng bước xóa đói, giảm nghèo trên địa bàn huyện.

2. Một số khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế

- Tỷ lệ giải ngân một số nguồn vốn còn thấp chưa đạt mục tiêu đề ra;
- Năm 2023 là năm đầu thực hiện kế hoạch vốn Dự án ổn định dân cư, phát triển vùng KTXH tái định cư thủy điện Sơn La huyện Tủa Chùa, nên việc triển khai thực hiện lập, thẩm định, trình phê duyệt các dự án dự kiến khởi công mới năm 2023 gặp nhiều khó khăn gây ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân vốn đầu tư;
- Một số dự án vừa được điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2023, các dự án này đang triển khai thực hiện lựa chọn nhà thầu thi công lên chưa thể giải ngân.
- Chất lượng công tác lập kế hoạch và công tác chuẩn bị đầu tư của một số đơn vị chuyên môn, các chủ đầu tư còn hạn chế, chưa chủ động dẫn đến việc phải hủy bỏ danh mục, điều chỉnh dự án, vốn đầu tư.

3. Giải pháp thực hiện trong thời gian tới:

- Tiếp tục thực hiện nghiêm chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh về giải ngân vốn đầu tư công; tăng cường kiểm tra, giám sát, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, gắn trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị với kết quả giải ngân; kiên quyết cắt giảm, điều chuyển vốn của các đơn vị, địa phương và các dự án có tỷ lệ giải ngân thấp sang các đơn vị và các dự án có khả năng tốt hơn;
- Thông qua việc làm tốt công tác tuyên truyền đã giúp cho cán bộ, người dân và đặc biệt là người nghèo hiểu rõ hơn về các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước trong việc đầu tư, xây dựng các công trình, dự án trên địa bàn. Người dân được nâng cao về nhận thức, thấy được lợi ích từ các công trình, dự án đầu tư giúp cho thực hiện các hoạt động sản xuất, ổn định đời sống, nâng cao thu nhập để từng bước thoát nghèo;
- Chủ động tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công. Phân công lãnh đạo chịu trách nhiệm theo dõi đôn đốc tiến độ thực hiện, giải ngân và kịp thời tháo gỡ khó khăn của từng dự án, đặc biệt là các dự án vướng mắc trong công tác GPMB.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện, giải ngân kế hoạch các nguồn vốn đầu tư đến ngày 31 tháng 8 năm 2023 trên địa bàn huyện Tủa Chùa./.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Lưu: VT, TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lường Tuấn Anh

BIỂU TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN GIAO VÀ GIẢI NGÂN NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 9 năm 2023 của UBND huyện Tủa Chùa)

STT	Nguồn vốn	Tổng mức đầu tư được duyệt và dự kiến	Trong đó: Vốn NSTW	Kế hoạch vốn được giao				Giải ngân KHV năm 2023 đến 31/8/2023	Lũy kế giải ngân đến 31/8/2023	Tỷ lệ giải ngân năm 2023 đến 31/8/2023 (%)	Ghi chú
				Lũy kế vốn bố trí đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2023	Năm 2023	Tổng vốn giao và kéo dài sang năm 2023				
1	Vốn Ngân sách Trung ương	438.895	438.895	206.931	0	141.731	141.731	102.414,411	167.614,411	72,26%	
1.1	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng	183.000	183.000	135.000		70.000	70.000	47.782,448	112.782,448	68,26%	
1.2	Ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La huyện Tủa Chùa	255.295	255.295	71.531		71.531	71.531	54.631,963	54.631,963	76,38%	
1.3	Dự án bảo vệ và phát triển rừng	600	600	400		200	200		200	0%	
2	Vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia	287.611	287.611	211.919	24.848	202.397	227.245	51.745	125.912	22,77%	
2.1	Vốn đầu tư	287.611	287.611	211.919	9.208,442	121.413	130.621,442	42.464,801	125.911,504	32,51%	
2.1.1	Chương trình NTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	90.621	90.621	81.288		49.793	49.793	15.744,354	47.239,354	31,62%	
2.1.2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	178.490	178.490	112.131	9.208,442	53.120	62.328,442	10.532,538	62.484,241	16,90%	
2.1.3	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025	18.500	18.500	18.500		18.500	18.500	16.187,909	16.187,909	87,50%	
2.2	Vốn sự nghiệp				15.639,298	80.984,000	96.623,298	9.280,327		9,60%	

STT	Nguồn vốn	Tổng mức đầu tư được duyệt và dự kiến	Trong đó: Vốn NSTW	Kế hoạch vốn được giao				Giải ngân KHV năm 2023 đến 31/8/2023	Lũy kế giải ngân đến 31/8/2023	Tỷ lệ giải ngân năm 2023 đến 31/8/2023 (%)	Ghi chú
				Lũy kế vốn bố trí đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2023	Năm 2023	Tổng vốn giao và kéo dài sang năm 2023				
2.2.1	<i>Chương trình NTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>				7.564,695	46.544	54.108,695	7.252,315		13,40%	
2.2.2	<i>Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025</i>				7.057,605	32.314	39.371,605	2.028,012		5,15%	
2.2.3	<i>Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025</i>				1.016,997	2.126	3.142,997	0		0%	
3	Vốn Ngân sách địa phương	81.380	0	56.251	3.333	30.503	33.836	22.738,498	48.486,498	67,20%	
3.1	Cấp Tỉnh quản lý	35.000		18.000		13.000	13.000	5.634,814	10.634,814	43,34%	
3.2	Cấp Huyện quản lý	46.380		38.251	3.333,139	17.503	20.836,139	17.103,684	37.851,684	82,09%	
4	Vốn cân đối ngân sách huyện	112.669,478		50.250,363		35.173,970	35.173,970	23.341,802	50.294,415	66,36%	
5	Vốn sự nghiệp đầu tư	10.151		6.960,122		6.212	6.212	2.515,472	3.263,594	40,49%	
TỔNG CỘNG		930.706,478	726.506,000	532.310,985	28.180,879	416.016,470	444.197,349	202.755,312	395.570,422	45,65%	

BIỂU SỐ 01:

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 9 năm 2023 của UBND huyện Tủa Chùa)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Dự kiến thời gian KC-HT	Số QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt và dự kiến	Trong đó: Vốn NSTW	Kế hoạch vốn được giao		Tiến độ triển khai thực hiện	Giải ngân KHV năm 2023 đến 31/8/2023	Lũy kế giải ngân đến 31/8/2023	Tỷ lệ giải ngân năm 2023 đến 31/8/2023 (%)	Nhu cầu vốn còn thiếu	Ghi chú
						Lũy kế vốn bố trí đến thời điểm báo cáo	Năm 2023						
	TỔNG CỘNG			438.895	438.895	206.931	141.731		102.414	167.614	72,26%	231.965	
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG			438.895	438.895	206.931	141.731		102.414	167.614	72,26%	231.965	
I.1	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng			183.000	183.000	135.000	70.000		47.782,448	112.782,448	68,26%	48.000	
1	Nâng cấp tuyến đường Thị trấn - Sính Phình - Tả Phìn, huyện Tủa Chùa	2021-2023	976 ngày 30/5/2021	183.000	183.000	135.000	70.000	Đang thi công (đạt 30% KL theo HD A-B)	47.782,448	112.782,448	68,26%	48.000	
I.2	Ôn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La huyện Tủa Chùa			255.295	255.295	71.531	71.531		54.631,963	54.631,963	76,38%	183.765	
1	Đường giao thông khu tái định cư Huổi Lực, thị trấn Tủa Chùa	2023-2025	2104/QĐ-UBND 14/11/2022	6.800	6.800	2.040	2.040	Đang thi công (đạt 05% KL theo HD A-B)	1.376,076	1.376,076	67,45%	4.760	
2	Đường sản xuất diêm dân cư Huổi Trắng (Đường ra khu sản xuất Huổi Trắng), xã Tủa Thàng	2023-2025	892/QĐ-UBND 11/5/2022	9.692	9.692	2.908	2.908	Đang thi công (đạt 24% KL theo HD A-B)	2.896,066	2.896,066	99,60%	6.784	
3	Đường giao thông nội bản Khu tái định cư Tả Huổi Trắng - Tả Si Láng, xã Tủa Thàng	2023-2025	2021/QĐ-UBND 03/11/2022	6.000	6.000	5.400	5.400	Đang thi công (đạt 25% KL theo HD A-B)	1.793,408	1.793,408	33,21%	600	
4	Đường giao thông nội bản khu tái định cư Huổi Lóng, xã Huổi Sỏ	2023-2025	1887/QĐ-UBND 11/10/2022	11.200	11.200	2.240	2.240	Đang thi công (đạt 02% KL theo HD A-B)	2.240	2.240	100%	8.960	
5	Đường Đê Chu - Tủa Thàng, xã Tủa Thàng	2023-2025	2166/QĐ-UBND 25/11/2022	46.000	46.000	9.200	9.200	Đã ký HD và bàn giao MBTC	9.200	9.200	100%	36.800	
6	Đường Tả Si Láng - Pắc Na, xã Tủa Thàng	2023-2025	392/QĐ-UBND 22/4/2021	28.000	28.000	5.600	5.600	Đã phát hành thông báo khởi công	5.561,123	5.561,123	99,31%	22.400	
7	Đường UBND xã Huổi Sỏ - khu TĐC Huổi Lóng, xã Huổi Sỏ	2023-2025	2167/QĐ-UBND 25/11/2022	21.500	21.500	4.300	4.300	Đã ký HD và bàn giao MBTC	4.300	4.300	100%	17.200	
8	Thủy lợi Huổi Trắng, xã Tủa Thàng	2023-2025	813/QĐ-UBND 27/5/2021	3.000	3.000	2.700	2.700	Đang tập kết vật liệu bắt đầu triển khai thi công	895,230	895,23	33,16%	300	
9	Cấp nước sinh hoạt diêm tái định cư Tả Si Láng, xã Tủa Thàng	2023-2025	759/QĐ-UBND 20/5/2021	1.600	1.600	1.440	1.440	Đang thi công (đạt 75% KL theo HD A-B)	449,050	449,050	31,18%	160	
10	Cấp nước sinh hoạt diêm dân cư số 4, xã Tủa Thàng	2023-2025	2199/QĐ-UBND 30/11/2022	2.462	2.462	2.216	2.216	Đang thi công (đạt 54% KL theo HD A-B)	701,053	701,053	31,64%	246	
11	Đường giao thông Tả Phìn - Huổi Sỏ - Sóng Đà	2023-2025	2168/QĐ-UBND 25/11/2022	93.900	93.900	18.780	18.780	Đã phát hành thông báo khởi công	18.780	18.780	100%	75.120	
12	Đường giao thông Huổi Sỏ - Háng Pàng - Páo Tinh Láng xã Tả Sin Thàng	2023-2025	2170/QĐ-UBND 25/11/2022	7.000	7.000	2.100	2.100	Đang thi công (đạt 55% KL theo HD A-B)	2.100	2.100	100%	4.900	
13	Đường giao thông Huổi Lóng đến thôn Huổi Ca, xã Huổi Sỏ	2023-2025	894/QĐ-UBND 11/5/2022	6.200	6.200	1.860	1.860	Đang thi công (đạt 10% KL theo HD A-B)	1.000	1.000	53,76%	4.340	
14	Đường sản xuất cụm dân cư Tả Si Láng, xã Tủa Thàng	2023-2025	891/QĐ-UBND 11/5/2022	3.431	3.431	3.088	3.088	Đang tập kết vật liệu bắt đầu triển khai thi công	1.033,956	1.033,956		343	
15	Thủy lợi bản Làng Giang, xã Sin Chải	2023-2025	737/QĐ-UBND 17/5/2021	5.000	5.000	4.500	4.500	Đang thi công (đạt 65% KL theo HD A-B)	1.288,067	1.288,067	28,62%	500	
16	Cấp nước sinh hoạt cụm Pa Phông thuộc khu tái định cư Huổi Lóng, xã Huổi Sỏ	2023-2025	693/QĐ-UBND 11/5/2022	560	560	504	504	Đã bàn giao đưa vào sử dụng	477,268	477,268	94,70%	56	

STT	Danh mục dự án	Dự kiến thời gian KC-HT	Số QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt và dự kiến	Trong đó: Vốn NSTW	Kế hoạch vốn được giao		Tiến độ triển khai thực hiện	Giải ngân KHV năm 2023 đến 31/8/2023	Lũy kế giải ngân đến 31/8/2023	Tỷ lệ giải ngân năm 2023 đến 31/8/2023 (%)	Nhu cầu vốn còn thiếu	Ghi chú
						Lũy kế vốn bố trí đến thời điểm báo cáo	Năm 2023						
17	Cấp nước sinh hoạt thôn Huổi Ca thuộc khu tái định cư Huổi Lông, xã Huổi Sô	2023-2025	820/QĐ-UBND 27/5/2021	1.900	1.900	1.710	1.710	Đang thi công (đạt 05% KL theo HD A-B)	458,837	458,837	26,83%	190	
18	Cấp nước sinh hoạt điểm bản Làng Giang, xã Sín Chải	2023-2025	738/QĐ-UBND 17/5/2021	1.050	1.050	945	945	Đã ký HD và bàn giao MBTC	81,829	81,829	8,66%	105	
I.3	Dự án bảo vệ và phát triển rừng			600	600	400	200		-	200	-	200	
1	Phát triển lâm sản ngoài gỗ	2022	945/QĐ-UBND ngày	600	600	400	200	Đang rà soát diện tích trồng		200	0%	200	

BIỂU SỐ 2.1:

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 9 năm 2023 của UBND huyện Tủa Chùa)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Dự kiến thời gian KC-HT	Số QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt và dự kiến	Trong đó: Vốn NSTW	Kế hoạch vốn được giao		Tiến độ triển khai thực hiện	Giải ngân KHV năm 2023 đến 31/8/2023	Lũy kế giải ngân đến 31/8/2023	Tỷ lệ giải ngân năm 2023 đến 31/8/2023 (%)	Nhu cầu vốn còn thiếu	Ghi chú
						Lũy kế vốn bố trí đến thời điểm báo cáo	Năm 2023						
	TỔNG CỘNG			90.621	82.721	81.288	49.793		15.744	47.239	31,62%	0	
I	Chương trình NTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			90.621	82.721	81.288	49.793		15.744,354	47.239	31,62%	0	
*	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2023			61.043	61.043	61.043	29.548		11.144,554	42.639,554	37,72%	0	
1	Đường trung tâm xã Mường Đun - Bản Hột	2022-2023	235 ngày 08/2/2022	14.990	14.990	14.990	7.495	55% KL theo HD A-B	1.480,543	8.975,543	0	0	
2	Tuyến đường từ Sính Phình - Trung Thu - Lao Xá Phình - Tả Sín Thàng (Trung tâm xã Trung Thu đi Bản Phố - Cáng Phình), huyện Tủa Chùa	2022-2023	3229 ngày 14/12/2021	20.000	20.000	20.000	10.000	65% KL theo HD A-B	4.893,945	14.893,945	48,94%	0	
3	Bổ sung, nâng cấp các trường Tiểu học và THCS trên địa bàn xã Tủa Thàng	2022-2023	3363 ngày 30/12/2021	12.853	12.853	12.853	5.853	99% KL theo HD A-B	2.304,586	9.305	39,37%	0	
4	Bổ sung, nâng cấp các trường Tiểu học và THCS trên địa bàn xã Sính Phình	2022-2023	3363 ngày 30/12/2021	13.200	13.200	13.200	6.200	Đang hoàn thiện Hồ sơ quản lý chất lượng trước khi tiến hành trình nghiệm thu PCCC	2.465,480	9.465	39,77%	0	
*	Dự án khởi công mới năm 2023			29.578	21.678	20.245	20.245		4.600	4.600	22,72%	0	
1	Nước sinh hoạt thôn 3, xã Lao Xá Phình, huyện Tủa Chùa	2023-2024	2939/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	2.600	2.600	2.600	2.600	Đã bàn giao đưa vào sử dụng	2.328,789	2.328,789	89,57%		
2	Chợ Huổi Lóng xã Huổi Sớ	2023-2024	2949/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	10.500	2.600	2.600	2.600	100% KL theo HD A-B	2.271,011	2.271,011	87,35%		
3	Đường Nhù Pông Chua đi thôn 3 xã Sính Phình	2023-2024	2945 ngày 06/12/2022	4.000	4.000	2.500	2.500						
4	Mở mới tuyến đường từ Đờ Ấng Đàng đi thôn Phiêng Páng, xã Sính Phình	2023-2024	2946 ngày 6/12/2023	3.823	3.823	2.110	2.110						
5	Nâng cấp tuyến đường nội thôn Nà Sa từ ông Thào A Lữ đến nhà ông Giàng A Hang, xã Tả Phìn	2023-2024	2947 ngày 06/12/2022	4.335	4.335	2.335	2.335						
6	Nâng cấp tuyến đường từ trung tâm xã - thôn Háng Lả, xã Sín Chải	2023-2024	2948 ngày 06/12/2022	4.000	4.000	3.000	3.000						
7	Bổ sung, nâng cấp trường Tiểu học và THCS Lao Xá Phình, xã Lao Xá Phình	2023-2024	2950 ngày 06/12/2022	4.320	4.320	2.500	2.500						
8	Bổ sung, nâng cấp các trường Tiểu học và THCS trên địa bàn xã Tả Phìn	2023-2024	2951 ngày 06/12/2022	4.525	4.525	2.600	2.600						

BIỂU SỐ 2.2:

TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 9 năm 2023 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Đồng

TT	NỘI DUNG	DT chuyển nguồn năm trước sang	DT giao năm 2023	Dự toán bổ sung trong năm	DT được sử dụng trong năm 2023	DT chi đến 31/8/2023	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=3+4+5)	(7)	(8=7/6)
1	Chương trình MTQG Phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	7.564.695.324	46.544.000.000		54.108.695.324	7.252.314.696	13,40%
1.1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt	1.324.000.000	3.915.000.000		5.239.000.000	1.170.000.000	22%
-	Hỗ trợ chuyển đổi nghề	117.000.000	888.000.000		1.005.000.000	0	0%
+	Phòng Dân tộc huyện		888.000.000		888.000.000		0%
+	Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện	117.000.000			117.000.000		0%
-	Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	1.207.000.000	3.027.000.000		4.234.000.000	1.170.000.000	28%
+	Phòng Dân tộc huyện		3.027.000.000		3.027.000.000		0%
+	Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện	1.207.000.000			1.207.000.000	1.170.000.000	97%
1.2	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	4.801.000.000	22.176.000.000		26.977.000.000	3.856.973.840	14%
-	Tiêu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân (sự nghiệp kinh tế)	1.280.000.000	3.085.000.000		4.365.000.000	0	0%
+	Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện	1.280.000.000			1.280.000.000		0%
+	UBND xã Mường Báng		200.000.000		200.000.000		0%
+	UBND xã Xá Nhè		300.000.000		300.000.000		0%
+	UBND xã Mường Đùn		200.000.000		200.000.000		0%
+	UBND xã Tủa Thàng		200.000.000		200.000.000		0%
+	UBND xã Huổi só		400.000.000		400.000.000		0%
+	UBND xã Sính Phình		400.000.000		400.000.000		0%
+	UBND xã Tả Phìn		200.000.000		200.000.000		0%
+	UBND xã Tả Sìn Thàng		200.000.000		200.000.000		0%
+	UBND xã Trung Thu		285.000.000		285.000.000		0%
+	UBND xã Sín Chải		400.000.000		400.000.000		0%
+	UBND xã Lao Xá Phình		300.000.000		300.000.000		0%
-	Tiêu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN (sự nghiệp kinh tế)	3.521.000.000	19.091.000.000		22.612.000.000	3.856.973.840	17%
+	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		5.091.000.000		5.091.000.000	2.234.919.640	44%
+	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	3.521.000.000	4.000.000.000		7.521.000.000	729.029.700	10%
+	UBND Thị Trấn		527.000.000		527.000.000		0%
+	UBND xã Mường Báng		811.000.000		811.000.000		0%
+	UBND xã Xá Nhè		1.791.000.000		1.791.000.000		0%

+	UBND xã Mường Đun		457.000.000		457.000.000		0%
+	UBND xã Tủa Thàng		854.000.000		854.000.000		0%
+	UBND xã Huổi só		415.000.000		415.000.000		0%
+	UBND xã Sính Phình		1.256.000.000		1.256.000.000		0%
+	UBND xã Tả Phìn		917.000.000		917.000.000		0%
+	UBND xã Tả Sìn Thàng		494.000.000		494.000.000	469.664.500	95%
+	UBND xã Trung Thu		1.006.000.000		1.006.000.000		0%
+	UBND xã Sín Chải		610.000.000		610.000.000	423.360.000	69%
+	UBND xã Lao Xá Phình		862.000.000		862.000.000		0%
1.3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công nghiệp của lĩnh vực	7.594.917	3.364.000.000		3.371.594.917	1.013.986.856	30%
	Tiêu dự án 1: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN (sự nghiệp kinh tế)	7.594.917	3.364.000.000		3.371.594.917	1.013.986.856	30%
	UBND Thị Trấn	44.910	177.000.000		177.044.910		0%
	UBND xã Mường Báng	236.000	273.000.000		273.236.000	272.807.000	100%
	UBND xã Xá Nhè	1.940.817	602.000.000		603.940.817	601.248.533	100%
	UBND xã Mường Đun	195.119	154.000.000		154.195.119		0%
	UBND xã Tủa Thàng	1.157.395	287.000.000		288.157.395		0%
	UBND xã Huổi só	263.722	140.000.000		140.263.722	139.931.323	100%
	UBND xã Sính Phình	505.885	423.000.000		423.505.885		0%
	UBND xã Tả Phìn	145.244	339.000.000		339.145.244		0%
	UBND xã Tả Sìn Thàng	364.872	290.000.000		290.364.872		0%
	UBND xã Trung Thu	868.519	166.000.000		166.868.519		0%
	UBND xã Sín Chải	36.000	308.000.000		308.036.000		0%
	UBND xã Lao Xá Phình	1.836.434	205.000.000		206.836.434		0%
1.4	Dự án 5: Phát triển giáo dục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	45.644.059	11.184.000.000		11.229.644.059	1.094.354.000	10%
-	Tiêu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc, đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN (sự nghiệp giáo dục)	22.920.000	1.030.000.000		1.052.920.000	0	0%
+	Phòng Dân tộc huyện	22.920.000			22.920.000		0%
+	Phòng Nội vụ huyện		1.030.000.000		1.030.000.000		0%
-	Tiêu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN (sự nghiệp giáo dục)	22.724.059	10.154.000.000		10.176.724.059	1.094.354.000	11%
+	Phòng Lao động và Thương binh xã hội		3.000.000.000		3.000.000.000		0%
+	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện	22.724.059	7.154.000.000		7.176.724.059	1.094.354.000	15%
1.5	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch (sự nghiệp văn hóa thông tin)	245.000.000	1.185.000.000		1.430.000.000	0	0%
	Phòng Văn hóa - Thông tin huyện	245.000.000	1.185.000.000		1.430.000.000		0%
1.6	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	784.000.000	2.436.000.000		3.220.000.000	0	0%
	Hội liên hiệp phụ nữ	784.000.000	2.436.000.000		3.220.000.000		0%
1.7	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	262.056.348	749.000.000		1.011.056.348	0	0%
	Tiêu dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù (Sự nghiệp văn hóa thông tin)	262.000.000	0		262.000.000	0	0%
	Trung tâm văn hóa - truyền thanh - truyền hình	262.000.000			262.000.000		0%

	Tiêu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (đảm bảo xã hội)	56.348	749.000.000		749.056.348	0	0%
	Phòng Dân tộc	56.348	349.000.000		349.056.348		0%
	UBND Thị Trấn		25.000.000		25.000.000		0%
	UBND xã Mường Báng		35.000.000		35.000.000		0%
	UBND xã Xá Nhè		44.000.000		44.000.000		0%
	UBND xã Mường Đun		30.000.000		30.000.000		0%
	UBND xã Tủa Thàng		40.000.000		40.000.000		0%
	UBND xã Huổi só		25.000.000		25.000.000		0%
	UBND xã Sính Phình		40.000.000		40.000.000		0%
	UBND xã Tả Phìn		33.000.000		33.000.000		0%
	UBND xã Tả Sìn Thàng		35.000.000		35.000.000		0%
	UBND xã Trung Thu		30.000.000		30.000.000		0%
	UBND xã Sín Chải		38.000.000		38.000.000		0%
	UBND xã Lao Xá Phình		25.000.000		25.000.000		0%
1.8	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	95.400.000	1.535.000.000		1.630.400.000	117.000.000	7%
-	Tiêu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (sự nghiệp văn hóa thông tin)	0	965.000.000		965.000.000	117.000.000	12%
+	Trung tâm văn hóa - truyền thanh - truyền hình		965.000.000		965.000.000	117.000.000	12%
-	Tiêu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (sự nghiệp văn hóa thông tin)	39.000.000	246.000.000		285.000.000	0	0%
+	Phòng Văn hóa thông tin huyện	39.000.000			39.000.000		0%
+	Trung tâm văn hóa - truyền thanh - truyền hình		246.000.000		246.000.000		0%
-	Tiêu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình (sự nghiệp kinh tế)	56.400.000	324.000.000		380.400.000	0	0%
+	Phòng Dân tộc	56.400.000	204.000.000		260.400.000		0%
+	UBND Thị Trấn		10.000.000		10.000.000		0%
+	UBND xã Mường Báng		10.000.000		10.000.000		0%
+	UBND xã Xá Nhè		10.000.000		10.000.000		0%
+	UBND xã Mường Đun		10.000.000		10.000.000		0%
+	UBND xã Tủa Thàng		10.000.000		10.000.000		0%
+	UBND xã Huổi só		10.000.000		10.000.000		0%
+	UBND xã Sính Phình		10.000.000		10.000.000		0%
+	UBND xã Tả Phìn		10.000.000		10.000.000		0%
+	UBND xã Tả Sìn Thàng		10.000.000		10.000.000		0%
+	UBND xã Trung Thu		10.000.000		10.000.000		0%
+	UBND xã Sín Chải		10.000.000		10.000.000		0%
+	UBND xã Lao Xá Phình		10.000.000		10.000.000		0%

BIỂU SỐ 3.1:

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 9 năm 2023 của UBND huyện Tủa Chùa)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Dự kiến thời gian KC-HT	Số QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt và dự kiến	Trong đó: Vốn NSTW	Kế hoạch vốn được giao			Tiến độ triển khai thực hiện	Giải ngân KHV năm 2023 đến 31/8/2023	Lũy kế giải ngân đến 31/8/2023	Tỷ lệ giải ngân năm 2023 đến 31/8/2023 (%)	Nhu cầu vốn còn thiếu	Ghi chú
						Lũy kế vốn bố trí đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2023	Năm 2023						
	TỔNG CỘNG			178.490	178.490	112.131	9.208,442	53.120		10.532,538	62.484	16,90%	66.359	
I	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025			178.490	178.490	112.131	9.208,442	53.120		10.532,538	62.484	16,90%	66.359	
*	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2023			129.990	129.990	110.631	9.208,442	51.620		9.149,721	61.101	15,04%	19.359	
1	Đường giao thông bến thùy Huổi Trắng, Huổi Sô, Mường Lay	2022-2023	1412 ngày 13/8/2022	30.000	30.000	14.640	1.518,579	12.640	Đã ký HD thi công và bàn giao MBTC	529,045	1.010,466	3,74%	15.360	
2	Nâng cấp tuyến đường Thị trấn - Đê Dê Hu - Sính Phình	2022-2023	1413 ngày 13/8/2022	20.000	20.000	19.001	1.184,213	5.980	70% KL theo HD A-B	2.894,952	14.731,739	40,41%	999	
3	Nước sinh hoạt trung tâm xã Trung Thu, huyện Tủa Chùa	2022-2023	1867 ngày 10/8/2022 của UBND huyện	14.990	14.990	14.990	5.382,505		85% KL theo HD A-B	4.514,699	15.148,194	84%	0	
4	Sân Vận động Huyện Tủa Chùa	2022-2023	1415 ngày 13/8/2022	35.000	35.000	33.000	1.123,145	18.000	25% KL theo HD A-B	58,154	15.058,154	0,30%	2.000	
5	Tuyến đường Tà Sin Thàng - Páo Tinh Làng - Sáng Tớ đi Sin Chải, Huổi Sô	2022-2023	1414 ngày 13/8/2022	30.000	30.000	29.000		15.000	50% KL theo HD A-B	1.152,871	15.152,871	7,69%	1.000	
*	Dự án khởi công mới năm 2023 (Chuẩn bị đầu tư)			48.500	48.500	1.500	0	1.500		1.382,817	1.383	92%	47.000	
1	Nâng cấp tuyến đường Pàng Dề (Xá Nhè) - Phình Sáng, Tuần Giáo	2023-2025	1000/QĐ-UBND 29/6/2023	18.000	18.000	500		500	Đã phê duyệt đầu tư, dự kiến khởi công trong quý IV năm 2023	382,817	382,817	77%	17.500	
2	Nâng cấp tuyến đường Lầu Cầu Phình (xã Lao Xá Phình) - Làng Sáng (xã Tà Sin Thàng)	2023-2025	2952/QĐ-UBND 06/12/2022	8.500	8.500	300		300	Đã phê duyệt đầu tư, dự kiến khởi công trong quý IV năm 2023	300	300	100%	8.200	
3	Nâng cấp tuyến đường Xá Nhè - Mường Đùn	2023-2025	2953/QĐ-UBND 06/12/2022	14.000	14.000	400		400	Đã phê duyệt đầu tư, dự kiến khởi công trong quý IV năm 2023	400	400	100%	13.600	
4	Sửa chữa, nâng cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Tà Phìn, Tà Sin Thàng và các bản lân cận	2023-2025	2954/QĐ-UBND 06/12/2022	8.000	8.000	300		300	Đã phê duyệt đầu tư, dự kiến khởi công trong quý IV năm 2023	300	300	100%	7.700	

BIỂU SỐ 3.2:

TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 9 năm 2023 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Đồng

TT	NỘI DUNG	DT chuyển nguồn năm trước sang	DT giao năm 2023	Dự toán bổ sung trong năm	DT được sử dụng trong năm 2023	DT chi đến 31/8/2023	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=3+4+5)	(7)	(8=7/6)
I	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	7.057.605.065	32.314.000.000		39.371.605.065	2.028.012.492	5,15%
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo	9.848.861	4.203.000.000		4.212.848.861	698.746.492	17%
-	Tiêu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo	9.848.861	4.203.000.000		4.212.848.861	698.746.492	17%
+	UBND Thị Trấn	197.289	350.000.000		350.197.289		0%
+	UBND xã Mường Báng	1.289.910	350.000.000		351.289.910	349.805.000	100%
+	UBND xã Xá Nhè	2.062.384	350.000.000		352.062.384	348.941.492	99%
+	UBND xã Mường Đùn	1.082.717	350.000.000		351.082.717		0%
+	UBND xã Tủa Thàng	660.066	350.000.000		350.660.066		0%
+	UBND xã Huổi só	2.400.912	350.000.000		352.400.912		0%
+	UBND xã Sính Phình	524.741	350.000.000		350.524.741		0%
+	UBND xã Tả Phìn	240.510	350.000.000		350.240.510		0%
+	UBND xã Tả Sin Thàng	612.567	350.000.000		350.612.567		0%
+	UBND xã Trung Thu	258.864	350.000.000		350.258.864		0%
+	UBND xã Sín Chải	87.000	353.000.000		353.087.000		0%
+	UBND xã Lao Xá Phình	431.901	350.000.000		350.431.901		0%
2	Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (sự nghiệp kinh tế)	3.320.000.000	8.363.000.000		11.683.000.000	0	0%
-	UBND Thị Trấn	235.000.000	650.000.000		885.000.000		0%
-	UBND xã Mường Báng	235.000.000	737.000.000		972.000.000		0%
-	UBND xã Xá Nhè	370.000.000	1.255.000.000		1.625.000.000		0%
-	UBND xã Mường Đùn	241.000.000	485.000.000		726.000.000		0%
-	UBND xã Tủa Thàng	282.000.000	764.000.000		1.046.000.000		0%
-	UBND xã Huổi só	235.000.000	453.000.000		688.000.000		0%
-	UBND xã Sính Phình	343.000.000	953.000.000		1.296.000.000		0%
-	UBND xã Tả Phìn	324.000.000	722.000.000		1.046.000.000		0%
-	UBND xã Tả Sin Thàng	277.000.000	573.000.000		850.000.000		0%
-	UBND xã Trung Thu	241.000.000	545.000.000		786.000.000		0%
-	UBND xã Sín Chải	302.000.000	776.000.000		1.078.000.000		0%
-	UBND xã Lao Xá Phình	235.000.000	450.000.000		685.000.000		0%
3	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	1.408.000.000	4.980.000.000		6.388.000.000	477.193.000	7%
-	Tiêu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp (Sự nghiệp kinh tế)	1.408.000.000	3.615.000.000		5.023.000.000	235.509.000	5%
+	UBND Thị Trấn	114.000.000	280.000.000		394.000.000		0%
+	UBND xã Mường Báng	122.000.000	320.000.000		442.000.000		0%
+	UBND xã Xá Nhè	108.000.000	543.000.000		651.000.000		0%
+	UBND xã Mường Đùn	100.000.000	210.000.000		310.000.000		0%

+	UBND xã Tủa Thàng	125.000.000	330.000.000		455.000.000		0%
+	UBND xã Huổi só	113.000.000	195.000.000		308.000.000		0%
+	UBND xã Sính Phình	128.000.000	412.000.000		540.000.000		0%
+	UBND xã Tả Phìn	120.000.000	312.000.000		432.000.000		0%
+	UBND xã Tả Sìn Thàng	120.000.000	248.000.000		368.000.000	235.509.000	64%
+	UBND xã Trung Thu	117.000.000	235.000.000		352.000.000		0%
+	UBND xã Sín Chải	128.000.000	335.000.000		463.000.000		0%
+	UBND xã Lao Xá Phình	113.000.000	195.000.000		308.000.000		0%
-	Tiêu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng (Sự nghiệp y tế dân số và gia đình)	0	1.365.000.000		1.365.000.000	241.684.000	18%
+	Phòng y tế		1.365.000.000		1.365.000.000	241.684.000	18%
4	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	1.913.918.204	4.640.000.000		6.553.918.204	0	0%
-	Tiêu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn (sự nghiệp giáo dục)	1.380.918.204	3.001.000.000		4.381.918.204	0	0%
+	Hỗ trợ cơ quan quản lý và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập	0	1.645.000.000		1.645.000.000	0	0%
	Phòng Lao động Thường Bình và Xã hội		1.645.000.000		1.645.000.000		0%
+	Hỗ trợ địa phương đào tạo nghề cho người lao động	1.380.918.204	1.356.000.000		2.736.918.204	0	0%
	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện	1.380.918.204	1.356.000.000		2.736.918.204		0%
-	Tiêu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (sự nghiệp)	258.000.000	913.000.000		1.171.000.000	0	0%
	Phòng Lao động Thường Bình và Xã hội	258.000.000	913.000.000		1.171.000.000		0%
-	Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững (sự nghiệp kinh tế)	275.000.000	726.000.000		1.001.000.000	0	0%
	Phòng Lao động Thường Bình và Xã hội	275.000.000	726.000.000		1.001.000.000		0%
5	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo (sự nghiệp kinh tế)	0	7.360.000.000		7.360.000.000	0	0%
-	UBND Thị Trấn		800.000.000		800.000.000		0%
-	UBND xã Mường Báng		600.000.000		600.000.000		0%
-	UBND xã Xá Nhè		1.000.000.000		1.000.000.000		0%
-	UBND xã Mường Đùn		200.000.000		200.000.000		0%
-	UBND xã Tủa Thàng		960.000.000		960.000.000		0%
-	UBND xã Huổi só		600.000.000		600.000.000		0%
-	UBND xã Sính Phình		600.000.000		600.000.000		0%
-	UBND xã Tả Phìn		1.000.000.000		1.000.000.000		0%
-	UBND xã Tả Sìn Thàng		400.000.000		400.000.000		0%
-	UBND xã Trung Thu		600.000.000		600.000.000		0%
-	UBND xã Sín Chải		400.000.000		400.000.000		0%
-	UBND xã Lao Xá Phình		200.000.000		200.000.000		0%
6	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	271.099.000	1.616.000.000		1.887.099.000	0	0%
-	Tiêu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	271.000.000	1.266.000.000		1.537.000.000	0	0%
+	Trung tâm văn hóa - truyền thanh - truyền hình	271.000.000			271.000.000		0%
+	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện		1.266.000.000		1.266.000.000		0%
-	Tiêu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	99.000	350.000.000		350.099.000	0	0%
+	Trung tâm văn hóa - truyền thanh - truyền hình	99.000			99.000		0%
+	Phòng Lao động Thường Bình và Xã hội		350.000.000		350.000.000		0%
7	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	134.739.000	1.152.000.000		1.286.739.000	852.073.000	66%
-	Tiêu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	93.868.000	776.000.000		869.868.000	852.073.000	98%
+	Phòng Lao động Thường Bình và Xã hội	93.868.000	776.000.000		869.868.000	852.073.000	98%

-	Tiêu dự án 2: Giám sát, đánh giá	40.871.000	376.000.000		416.871.000	0	0%
+	Phòng Lao động Thường Bình và Xã hội	40.871.000	256.000.000		296.871.000		0%
+	UBND Thị Trấn		10.000.000		10.000.000		0%
+	UBND xã Mường Báng		10.000.000		10.000.000		0%
+	UBND xã Xá Nhè		10.000.000		10.000.000		0%
+	UBND xã Mường Đun		10.000.000		10.000.000		0%
+	UBND xã Tủa Thàng		10.000.000		10.000.000		0%
+	UBND xã Huổi só		10.000.000		10.000.000		0%
+	UBND xã Sính Phình		10.000.000		10.000.000		0%
+	UBND xã Tả Phìn		10.000.000		10.000.000		0%
+	UBND xã Tả Sìn Thàng		10.000.000		10.000.000		0%
+	UBND xã Trung Thu		10.000.000		10.000.000		0%
+	UBND xã Sín Chải		10.000.000		10.000.000		0%
+	UBND xã Lao Xá Phình		10.000.000		10.000.000		0%

BIỂU SỐ 4.1:

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 9 năm 2023 của UBND huyện Tủa Chùa)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Dự kiến thời gian KC-HT	Số QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt và dự kiến	Trong đó: Vốn NSTW	Kế hoạch vốn được giao		Tiến độ triển khai thực hiện	Giải ngân KHV năm 2023 đến 31/8/2023	Lũy kế giải ngân đến 31/8/2023	Tỷ lệ giải ngân năm 2023 đến 31/8/2023 (%)	Nhu cầu vốn còn thiếu	Ghi chú
						Lũy kế vốn bố trí đến thời điểm báo cáo	Năm 2023						
	TỔNG CỘNG			18.500	18.500	18.500	18.500		16.187,909	16.187,909	87,50%	0	
I	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025			18.500	18.500	18.500	18.500		16.187,909	16.187,909	87,50%	0	
*	Dự án dự kiến khởi công mới năm 2023			18.500	18.500	18.500	18.500		16.187,909	16.187,909	87,50%	0	
1	Nâng cấp đường liên thôn từ Kê Cải - Từ Ngải 2 - Từ Ngải 1 - Háng Trờ	2023-2024	2955/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	14.000	14.000	14.000	14.000	100% KL theo HD A-B	12.317,552	12.317,552	87,98%	0	
2	Nâng cấp đường liên thôn Đông Phi - Háng Tơ Mang, xã Mường Báng	2023-2024	2956/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	4.500	4.500	4.500	4.500	Đã bàn giao đưa vào sử dụng	3.870,357	3.870,357	86,01%	0	

BIỂU SỐ 4.2:

TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 9 năm 2023 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị tính: Đồng

TT	NỘI DUNG	DT chuyển nguồn năm trước sang	DT giao năm 2023	Dự toán bổ sung trong năm	DT được sử dụng trong năm 2023	DT chi đến 31/8/2023	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=3+4+5)	(7)	(8=7/6)
1	Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới (Vốn sự nghiệp)	1.016.997.360	2.126.000.000		3.142.997.360	0	0%
-	Hỗ trợ theo hệ số phân bổ	780.000.000	1.416.000.000		2.196.000.000	0	0%
+	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	780.000.000	1.416.000.000		2.196.000.000		0%
-	Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với lợi thế vùng miền; phát triển tiêu thụ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn, bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn;	166.900.000	170.000.000		336.900.000	0	0%
+	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	166.900.000	170.000.000		336.900.000		0%
-	Thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	0	400.000.000		400.000.000	0	0%
+	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện		400.000.000		400.000.000		0%
-	Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình	70.097.360	140.000.000		210.097.360	0	0%
+	Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn	70.097.360	70.000.000		140.097.360		0%
+	UBND xã Mường Báng		10.000.000		10.000.000		0%
+	UBND xã Mường Đùn		10.000.000		10.000.000		0%
+	UBND xã Tủa Thàng		10.000.000		10.000.000		0%
+	UBND xã Xá Nhè		5.000.000		5.000.000		0%
+	UBND xã Huổi só		5.000.000		5.000.000		0%
+	UBND xã Sính Phình		5.000.000		5.000.000		0%
+	UBND xã Tả Phìn		5.000.000		5.000.000		0%
+	UBND xã Tả Sìn Thàng		5.000.000		5.000.000		0%
+	UBND xã Trung Thu		5.000.000		5.000.000		0%
+	UBND xã Sín Chải		5.000.000		5.000.000		0%
+	UBND xã Lao Xá Phình		5.000.000		5.000.000		0%

BIỂU SỐ 05:

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 9 năm 2023 của UBND huyện Tủa Chùa)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Dự kiến thời gian KC-HT	Số QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt và dự kiến			Kế hoạch vốn được giao							Tiến độ triển khai thực hiện	Giải ngân KHV năm 2023 đến 31/8/2023			Lấy kế giải ngân đến 31/8/2023			Tỷ lệ giải ngân năm 2023 đến 31/8/2023 (%)			Nhu cầu vốn còn thiếu			Ghi chú
				Tổng cộng	Trong đó:		Lấy kế vốn bố trí đến thời điểm báo cáo				Năm 2023				Tổng cộng	Tỉnh quản lý	Huyện quản lý	Tổng cộng	Tỉnh quản lý	Huyện quản lý	Tổng cộng	Tỉnh quản lý	Huyện quản lý	Tổng cộng	Tỉnh quản lý	Huyện quản lý	
					Tỉnh quản lý	Huyện quản lý	Tổng cộng	Tỉnh quản lý	Huyện quản lý	Huyện quản lý	Tổng cộng	Tỉnh quản lý	Huyện quản lý														
TỔNG CỘNG				81.380	35.000	46.380	56.251	18.000	38.251	3.333	30.503	13.000	17.503		22.738,498	5.634,814	17.103,684	48.486,498	10.634,814	37.852	67,20%	43,34%	82,09%	35.629	17.000	18.629	
I	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG			81.380	35.000	46.380	56.251	18.000	38.251	3.333	30.503	13.000	17.503		22.738,498	5.634,814	17.103,684	48.486,498	10.634,814	37.852	67,20%	43,34%	82,09%	35.629	17.000	18.629	
1.1	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2023			81.380	35.000	46.380	56.251	18.000	38.251	3.333	30.503	13.000	17.503	0	22.738,498	5.634,814	17.103,684	48.486,498	10.634,814	37.852	67,20%	43,34%	82,09%	24.129	17.000	7.129	
1	Xây dựng trường PTDT bán trú tiểu học xã Mường Đua, huyện Tủa Chùa	2021-2023	3227 ngày 14/12/2021	22.400	20.000	2.400	5.500	5.000	500		5.000	5.000		13% KL theo HD A-B	1.634,814	1.634,814	0	2.134,814	1.634,814	500	32,70%	32,70%		16.900	15.000	1.900	
2	Nâng cấp các tuyến đường nội thị thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa	2021-2023	3140 ngày 30/11/2021	25.000	10.000	15.000	21.149	9.000	12.149	1.383	10.000	4.000	6.000	Đã hoàn thành khối lượng theo HD	10.367,001	4.000	6.367,001	21.516	9.000	12.516	91,07%	100%	86,24%	3.851	1.000	2.851	
3	Nâng cấp, sửa chữa nhà khách Huyện ủy - HĐND và UBND huyện Tủa Chùa	2021-2023	3228 ngày 14/12/2021	14.990	5.000	9.990	11.612	4.000	7.612	1.950	7.702	4.000	3.702	65% KL theo HD A-B	3.942,952		3.942,952	7.853	0	7.853	40,85%	0%	69,76%	3.378	1.000	2.378	
4	Trưởng mầm non Thị trấn Tủa Chùa (Giai đoạn 2)	2021-2022	550 ngày 08/6/2021	14.990		14.990	13.990	0	13.990		6.801		6.801	Đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng	6.793,731		6.793,731	13.983	0	13.983	99,89%		99,89%	0	0	0	Hết nhiệm vụ chỉ
5	Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa đến năm 2035	2021-2023	1910 ngày 20/10/2021	4.000		4.000	4.000	0	4.000		1.000		1.000	Sở Xây dựng đã thẩm định xong, đang trình UBND tỉnh phê duyệt	0	0		3.000	0	3.000	0%		0,00%	0	0	0	

BIỂU SỐ 06:

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN, VỐN SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 9 năm 2023 của UBND huyện Tủa Chùa)

STT	Danh mục dự án	Dự kiến thời gian KC-HT	Số QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt và dự kiến	Kế hoạch vốn được giao		Tiến độ triển khai thực hiện	Giải ngân KHV năm 2023 đến 31/8/2023	Lũy kế giải ngân đến 31/8/2023	Tỷ lệ giải ngân năm 2023 đến 31/8/2023 (%)	Nhu cầu vốn còn thiếu	Ghi chú
					Lũy kế vốn bố trí đến thời điểm báo cáo	Vốn giao năm 2023						
	TỔNG CỘNG			112.669,478	50.250,363	35.173,970		23.341,802	50.294,415	66,36%	40.393	
I	VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN			67.374,5	29.012,8	18.743,798		14.413,113	30.562,379	76,90%	38.214,0	
I.1	Dự án còn thiếu vốn			985,5	976	85,298		84,517	984,517	99,08%	0	
1	Khắc phục sửa chữa nâng cấp đoạn từ ngã ba bệnh viện đến điểm đầu nối đường bê tông xi măng vào đội 6 xã Mường Báng, huyện Tủa Chùa			309,722	300	9,720	Đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng	9,719	309,719	99,99%		
2	Nâng cấp kiên cố hóa mặt đường và hệ thống thoát nước đoạn giữa trụ sở huyện ủy và ban chỉ huy quân sự huyện Tủa Chùa			675,756	676	75,578	Đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng	74,798	674,798	98,97%		
I.2	Khởi công mới năm 2022			31.620	28.037	12.788	0	11.557	26.806	90,37%	3.445	
1	Đấu giá đất Huổi Lực, thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa	2022-2023	1765 ngày 25/7/2022	580	580	380	Đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng	41,604	242	11%	0	
2	Nâng cấp tuyến đường Sính Phình - Dê Dàng (phân đoạn Km3 - Km3+981); đường vào Trạm Y tế và điểm trường tiểu học số 2 Sính Phình	2022-2023	2409 ngày 20/12/2021	4.550	4.550	1.550	Đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng	1.202,013	4.202,013	77,55%	0	
3	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện	2022-2023	2407 ngày 20/12/2021	4.995	4.995	2.250	Đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng	1.762,988	4.507,988	78,36%	0	
4	Nâng cấp Chợ thị trấn Tủa Chùa (GĐIII)	2022-2023	2410 ngày 20/12/2021	14.995	11.550	8.550	90 % KL theo HĐ A-B	8.550	11.550	100%	3.445	

STT	Danh mục dự án	Dự kiến thời gian KC-HT	Số QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt và dự kiến	Kế hoạch vốn được giao		Tiến độ triển khai thực hiện	Giải ngân KHV năm 2023 đến 31/8/2023	Lũy kế giải ngân đến 31/8/2023	Tỷ lệ giải ngân năm 2023 đến 31/8/2023 (%)	Nhu cầu vốn còn thiếu	Ghi chú
					Lũy kế vốn bố trí đến thời điểm báo cáo	Vốn giao năm 2023						
5	Nâng cấp tuyến đường Mường Đun - Nà Sa (Phân đoạn: Lý trình Km0+00 đến km1+200)		83 ngày 28/1/2021	6.500	6.362,266	58	Đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng		6.304	0%		
I.3	Khởi công mới năm 2023			34.769	0	5.871		2.771,991	2.771,991	47,22%	34.769	
1	Nước sinh hoạt thôn Háng Dê Dê, Tà Pao, trường THCS, tiểu học, trạm y tế xã Sính Phình	2023-2024	247/QĐ-UBND ngày 14/3/2023	5.000		845	Đã phát hành thông báo khởi công	845	845,000	100%	5.000	
2	Đường giao thông Hấu Chua - Làng Giang, xã Sín Chải	2023-2024	249/QĐ-UBND ngày 15/3/2023	14.000		2.365,5		48,973	48,973	2%	14.000	
3	Đường liên thôn Quyết Tiến (thị trấn) Sông Ún (xã Mường Báng)	2023-2024	250/QĐ-UBND ngày 15/3/2023	8.769		1.480	Đã ký HĐ và bàn giao MBTC	698,018	698,018	47%	8.769	
4	Kè bảo vệ đất sản xuất cánh đồng Na Pa, xã Tủa Thàng	2023-2024	251/QĐ-UBND ngày 15/3/2023	7.000		1.180	Đã ký HĐ và bàn giao MBTC	1.180	1.180	100%	7.000	
II	VỐN SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC			24.900,0	11.263,470	9.583,470		5.807,483	11.087,483	60,60%		
II.1	Dự án khởi công mới năm 2022			11.350,0	11.263,470	5.983,470		5.807,483	11.087,483	97,06%		
1	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng các trường học trên địa bàn xã Sính Phình, huyện Tủa Chùa	2022	617 ngày 7/4/2022	3.120	3.081	1.611	Đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng	1.572	3.042	97,61%	39	
2	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng trường Mầm non và trường PTDTBT Tiểu học xã Xá Nhè, huyện Tủa Chùa	2022	616 ngày 7/4/2022	3.240	3.197	1.727	Đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng	1.687	3.157	97,71%	43	
3	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng trường PTDTBT THCS Tả Phìn	2022	615 ngày 7/4/2022	3.140	3.136	1.666	Đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng	1.596	3.066	95,79%	4	
4	Công trình: Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng trường PTDTBTTH Tả Phìn	2022	608 ngày 5/4/2022	1.850	1.849	979	Đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng	952	1.822	97,16%	1	
II.2	Dự án khởi công mới năm 2023			13.550		3.600		0	0	0%		
1	Sửa chữa, bảo dưỡng công trình thuộc đơn vị trường MN Mường Đun và một số điểm trường thuộc trường TH Mường Đun, xã Mường Đun, huyện Tủa Chùa	2023-2024	2119 ngày 10/8/2023	1.800		900						
2	Sửa chữa, bảo dưỡng trường trên địa bàn xã Trung thu, huyện Tủa Chùa	2023-2024	2149 ngày 15/8/2023	3.900		900	Đang lựa chọn nhà thầu thi công dự án					

STT	Danh mục dự án	Dự kiến thời gian KC-HT	Số QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt và dự kiến	Kế hoạch vốn được giao		Tiến độ triển khai thực hiện	Giải ngân KHV năm 2023 đến 31/8/2023	Lũy kế giải ngân đến 31/8/2023	Tỷ lệ giải ngân năm 2023 đến 31/8/2023 (%)	Nhu cầu vốn còn thiếu	Ghi chú
					Lũy kế vốn bố trí đến thời điểm báo cáo	Vốn giao năm 2023						
3	Sửa chữa, bảo dưỡng trường THCS Mường Báng, huyện Tủa Chùa	2023-2024	2059 ngày 02/8/2023	4.300		900	Đang thi công dự án					
4	Sửa chữa, bảo dưỡng trường PTDTBT TH&THCS Huổi Sớ, xã Huổi Sớ, huyện Tủa Chùa	2023-2024	2083 ngày 07/8/2023	3.550		900						
III	KINH PHÍ QUẢN LÝ, BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ			3.000	2.758	235		235	2.758	100%		-
	Xử lý một số vị trí mất an toàn giao thông, sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường, công trình thoát nước đường Tả Sin Thàng - Sin Chàng	2020	897 ngày 10/7/2020	3.000	2.758,347	235	Đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng	235	2.758,347	100%		
IV	HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI			12.995	4.995	4.491	-	2.750,243	5.650	61,24%		-
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 một số khu Thị trấn			4.000		500						
2	Xây dựng quy chế quản lý kiến trúc thị trấn (theo quy hoạch chung)			1.000		50						
3	Xây dựng hệ thống điện trang trí, chiếu sáng tại một số tuyến phố trên địa bàn thị trấn			3.000		1.796	Đang thi công	1.009,933	1.009,933	56,23%		
5	Xây dựng công chào và hệ thống đèn chiếu sáng tuyến đường từ trụ sở UBND xã Mường Báng - Đồi 10 và Khu tái định cư Huổi Lực huyện Tủa Chùa	2022-2023	2406 ngày 20/12/2021	4.995	4.995	2.095	Đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng	1.740,310	4.640,31	83,07%		0
V	KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI			4.400	2.221	2.120,702		135,963	235,963	6,41%	2.179	
V.1	Khởi công mới năm 2022			2.000	1.021	920,702		0	100	0,00%	979	
1	Sửa chữa, nâng cấp NSH thôn 1 và trung tâm xã Lao Xá Phình	2022-2023	2401 ngày 19/12/2021	2.000	1.021	920,702	Đã ký kết hợp đồng thi công		100	0	979,298	
V.2	Khởi công mới năm 2023			2.400	1.200	1.200		135,963	135,963	11,33%	1.200	
1	Xử lý, khắc phục hậu quả thiên tai các tuyến đường trên địa bàn các xã: Tả Phìn, Tả Sin Thàng, huyện Tủa Chùa	2023	757 ngày 12/6/2023	400	200	200	Đã hoàn thành, đang hoàn thiện hồ sơ để nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng	29,667	29,667	14,83%	200	
2	Xử lý, khắc phục hậu quả thiên tai tuyến đường từ Đèo Gió - Vàng Chua xã Sinh Phình - xã Trung Thu, huyện Tủa Chùa	2023	796 ngày 20/6/2023	2.000	1.000	1.000	Đang thi công	106,296	106,296	10,63%	1.000	

BIỂU SỐ 07:

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP CÓ TÍNH CHẤT ĐẦU TƯ VÀ VỐN SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 9 năm 2023 của UBND huyện Tủa Chùa)

STT	Danh mục dự án	Dự kiến thời gian KC-HT	Số QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt và dự kiến	Kế hoạch vốn được giao		Tiến độ triển khai thực hiện	Giải ngân KHV năm 2023 đến 31/8/2023	Lũy kế giải ngân đến 31/8/2023	Tỷ lệ giải ngân năm 2023 đến 31/8/2023 (%)	Nhu cầu vốn còn thiếu	Ghi chú	
					Lũy kế vốn bố trí đến thời điểm báo cáo	Năm 2023							
	TỔNG CỘNG			10.151	6.960,122	6.212		2.515,472	3.263,594	40,49%	3.499,878		
I	VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN ĐẤT TRỒNG LÚA			5.700	2.509,122	1.761		1.396,908	2.145,030	79,32%	3.499,878		
I.1	Công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng			2.850	2.200,122	1.452		1.396,908	2.145,030	96,21%	650		
1	Đường giao thông Cánh đồng Nà Pom - Bản Sắng, thị trấn Tủa Chùa		2060 ngày 15/9/2022	1.100	650	400	Đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng	400	650	100%	450		
2	Bê tông hóa tuyến đường từ nhà Văn Hóa tổ dân phố Bản Cáp ra khu sản xuất		2061 ngày 15/9/2022	550	550,122	302		246,908	495,030	81,76%	0	Hết nhiệm vụ chi	
3	Bê tông hóa tuyến đường nội đồng từ ông Thào Chờ Dí đến Bản Cáp, thị trấn Tủa Chùa		2062 ngày 15/9/2022	1.200	1.000	750		750	1.000	100%	200		
I.2	Công trình khởi công mới năm 2023			2.850	309	309		0	0	0%	2.850		
1	Sửa chữa thủy lợi Kê Cài, xã Mường Báng		543 ngày 27/4/2023	750	109	109	Đang lựa chọn nhà thầu thi công				750		
2	Nâng cấp nối tiếp tuyến đường nội đồng thôn Phai Tung, xã Mường Báng		477 ngày 13/4/2023	1.100	100	100						1.100	
3	Sửa chữa, nâng cấp thủy lợi Đề Lu 1, xã Tủa Thàng		708 ngày 01/6/2023	1.000	100	100						1.000	
III	VỐN MIỄN GIẢM THUỶ LỢI PHÍ			1.841	1.841	1.841	0	0	0	0%	0		
1	UBND Thị trấn			210	210	210				0%			
2	UBND xã Mường Báng			213	213	213				0%			
3	UBND xã Xá Nhè			270	270	270				0%			
4	UBND xã Mường Đun			300	300	300				0%			
5	UBND xã Tủa Thàng			160	160	160				0%			
6	UBND xã Huổi Sớ			32	32	32				0%			

STT	Dan h mục dự án	Dự kiến thời gian KC-HT	Số QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt và dự kiến	Kế hoạch vốn được giao		Tiến độ triển khai thực hiện	Giải ngân KHV năm 2023 đến 31/8/2023	Lũy kế giải ngân đến 31/8/2023	Tỷ lệ giải ngân năm 2023 đến 31/8/2023 (%)	Nhu cầu vốn còn thiếu	Ghi chú
					Lũy kế vốn bố trí đến thời điểm báo cáo	Năm 2023						
7	UBND xã Sính Phình			179	179	179				0%		
8	UBND xã Tả Phìn			200	200	200				0%		
9	UBND xã Trung Thu			162	162	162				0%		
10	UBND xã Tả Sin Thàng			76	76	76				0%		
11	UBND xã Lao Xá Phình			21	21	21				0%		
12	UBND xã Sín Chải			18	18	18				0%		
IV	SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG			2.610	2.610	2.610	0	1.118,564	1.118,564	42,86%	0	
1	UBND Thị trấn			15	15	15				0,00%		
2	UBND xã Mường Báng			15	15	15		2,25	2,25	15,00%		
3	UBND xã Xá Nhè			55	55	55		10,5	10,5	19,09%		
4	UBND xã Mường Đun			15	15	15				0,00%		
5	UBND xã Tủa Thàng			15	15	15				0,00%		
6	UBND xã Huổi Sớ			15	15	15				0,00%		
7	UBND xã Sính Phình			15	15	15				0,00%		
8	UBND xã Tả Phìn			15	15	15				0,00%		
9	UBND xã Trung Thu			15	15	15				0,00%		
10	UBND xã Tả Sin Thàng			55	55	55		21	21	38,18%		
11	UBND xã Lao Xá Phình			15	15	15				0,00%		
12	UBND xã Sín Chải			15	15	15		9	9	60%		
13	Phòng Tài nguyên và Môi trường			150	150	150				0,00%		
14	Phòng Kinh tế và Hạ tầng			2.200	2.200	2.200		1075,814	1075,814	48,90%		